

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đ;

2. Ông Lưu Đình B;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức H - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Đăng C, sinh năm 1991 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1992 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

3. Người làm chứng:

+ Bà Doãn Thị M, sinh năm 1970; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1966; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Bùi Đăng C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng C và chị Lê Thị Vân A tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 10/01/2020. Sau khi kết hôn, thì anh C đón chị Vân A về nhà ở ngay, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại thôn Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 05 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau; ngoài ra chị Vân A còn cãi láo với anh C; đập phá ảnh cưới của vợ chồng và dọa ly hôn. Anh C cũng nhường nhịn nhiều lần nhưng chị Vân A không hề thay đổi tính tình; vợ chồng chung sống không có tiếng nói chung. Đến tháng 7/2020, chị Vân A không về nhà anh sinh sống nữa; cũng từ đó vợ chồng anh sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh C và chị Vân A không liên lạc, không quan tâm và hai bên không còn trách nhiệm gì với nhau. Khi vợ chồng anh C mâu thuẫn thì hai bên gia đình có biết, động viên để chị Vân A quay về nhưng chị Vân A không về. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Vân A không còn; mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vân A.

- Về con chung: Anh C và chị Vân A chưa có con chung; anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Anh C trình bày anh và chị Vân A không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có ruộng canh tác chung, không có C sức đóng góp cho hai bên gia đình; anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác.

Tòa án đã gửi giấy triệu tập và thông báo cho chị Lê Thị Vân A đến Tòa án làm việc nhưng chị Vân A đều không đến Tòa án làm việc theo quy định.

Người làm chứng bà Bùi Thị H - là mẹ đẻ chị Lê Thị Vân A cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Vân A và anh Bùi Đăng C quen biết nhau qua M mối, sau một thời gian tìm hiểu thì hai anh chị tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2020. Sau đám cưới thì anh C đón chị Vân A về nhà anh C ở ngay. Do thời gian tìm hiểu nhau ngắn, quen biết nhau trên cơ sở M mối, khi hai bên chưa có nhiều tình cảm nên sau khi về chung sống được mấy tháng thì xảy ra trục trặc, mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ chuyện chị Vân A đi khám bệnh và có dấu hiệu của bệnh tiểu đường. Anh C mời bà đến gia đình anh C nói chuyện; sau đó mẹ anh C gửi chị Vân A cho gia đình bà chữa bệnh, khi nào chị Vân A khỏi bệnh thì sẽ đón chị Vân A về. Anh C và gia đình thông gia có suy nghĩ cổ hủ, chính vì vậy bà đã đón chị Vân A về nhà từ tháng 7/2020. Từ khi chị Vân A về nhà bà sinh sống thì anh C và gia đình thông gia chưa lần nào đến tìm đón chị Vân A lần nào; cũng từ tháng 7/2020 cho đến nay chị Vân A và anh C sống ly thân.

- Về con chung: Chị Vân A và anh C chưa có con chung, hiện nay chị Vân A cũng không mang thai.

- Về tài sản chung, C nợ, C sức đóng góp, ruộng cấy: Chị Vân A và anh C không có tài sản gì chung, không nợ ai tài sản gì. Hai anh chị cũng không có C sức đóng góp cho gia đình bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị Vân A đang làm C nhân ở Phố Nối cứ hai tuần thì về nhà nghỉ một lần. Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải cho chị Vân A, bà đều đã nhận thay và đã giao lại cho chị Vân A. Chị Vân A có nói với bà quan điểm giải quyết vụ án là nhất trí ly hôn với anh C; về con chung và về phần tài sản không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H vẫn liên hệ với chị Vân A qua điện thoại nhưng bà H từ chối cung cấp thông tin về cách thức liên hệ cũng như địa chỉ C ty chị Vân A đang làm. Nếu Tòa án cần giao các văn bản tố tụng cho chị Vân A thì bà sẽ nhận thay và cam kết sẽ giao lại cho chị Vân A.

Người làm chứng bà Doãn Thị M - là mẹ đẻ anh C cung cấp:

Anh C và chị Vân A tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh H. Vợ chồng anh C và chị Vân A sống hòa thuận khoảng 02 đến 03 tháng đầu thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh C làm việc tại C ty thủy nông huyện P, vào mùa tưới tiêu phải trực cả ngày lẫn đêm nên thời gian đó ít ở nhà; chị Vân A không thông cảm mà còn sinh sự, cãi láo và còn lời cả ảnh cưới của vợ chồng ra đập phá. Đến ngày 20/8/2020, chị Vân A tự ý bỏ đi mười ngày, sau đó chị Vân A về nhà bà ở được mười năm ngày rồi bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ. Cũng từ tháng 9/2020 cho đến nay chị Vân A không sinh sống tại nhà bà nữa. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình cũng có khuyên bảo, động viên nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng anh C, chị Vân A không có C sức đóng góp tài sản vào khối tài sản chung của gia đình bà, cũng không có vướng mắc gì về tài sản với gia đình bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi C khai tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng Q, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Q, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Đăng C được ly hôn chị Lê Thị Vân A. Về con chung: Không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác, C sức đóng góp: Anh C trình bày vợ chồng không có gì, không đề nghị xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này chị Vân A có đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác, C sức đóng góp thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm Q giải quyết vụ án:

- Về thẩm Q giải quyết vụ án: Bị đơn chị Lê Thị Vân A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án ly hôn giữa anh Bùi Đăng C và chị Lê Thị Vân A thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Đăng C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Vân A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Đăng C và chị Lê Thị Vân A tự nguyện kết hôn, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 10/01/2020; do đó quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Vân A là hợp pháp. Nay anh C có đơn khởi kiện ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C và chị Vân A chung sống hòa thuận được gần 05 tháng; do hai anh chị có thời gian tìm hiểu nhau ngắn chưa hiểu hết tính tình của nhau, hai bên chưa vun đắp được nhiều tình cảm nên cả hai khi về chung sống xảy ra những xích mích, mâu thuẫn thì không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 7/2020, chị Vân A bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống; từ đó cho đến nay anh C và chị Vân A sống ly thân; không có cuộc sống chung, mỗi người một nơi. Anh C có đơn khởi kiện ly hôn, chị Vân A đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều cố tình vắng mặt, không đến làm việc, không tham gia phiên hòa giải khi Tòa án tổ chức điều đó cho thấy chị Vân A bỏ mặc, không có thiện chí trong việc cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình với anh C; mặt khác bà H - mẹ chị Vân A cung cấp quan điểm của chị Vân A cũng nhất trí ly hôn với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị Vân A đã trầm trọng; mục đích

hôn nhân không đạt được; anh C khởi kiện ly hôn là có cơ sở và cần chấp nhận cho anh C được ly hôn chị Vân A để hai bên sớm ổn định cuộc sống mới là phù hợp quy định tại các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh C và chị Vân A chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung giữa anh C và chị Vân A.

[4] Về phần tài sản: Anh Bùi Đăng C khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có ruộng canh tác chung; không có C sức đóng góp gì cho hai bên gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với chị Lê Thị Vân A, quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho chị Vân A nhưng chị Vân A đều cố tình không đến Tòa án làm việc nên Tòa án chưa có lời khai, quan điểm của chị Vân A về vấn đề tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác và C sức. Nếu sau này chị Vân A có đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Đăng C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Đăng C được ly hôn chị Lê Thị Vân A.

2. Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn anh Bùi Đăng C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu chị Vân A có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Đăng C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền anh C đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006031

ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Q